TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 8 - 2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị S, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Đội 3, thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Đội 2, thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02 tháng 02 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Võ Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/5/2005. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm, đến năm 2008 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H rượu chè, đánh đập chị. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn H

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 03/11/2008. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho anh H nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q cho thấy: Anh Nguyễn H đã nhận được đầy đủ các văn bản, giấy tờ do Tòa án tống đạt, tuy nhiên anh H không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để làm việc.

Ngày 07/7/2023, Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị S, anh H đến phiên toà vào ngày 24/7/2023, nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 17/8/2023, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn vắng mặt.

Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được cán bộ của Ủy ban đến tại nhà tống đạt trực tiếp cho anh H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt anh H nhưng anh H đã được triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn H.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, xử cho chị S được ly hôn anh H; về con chung: Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Nguyễn Hoàng A cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, chị S phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Võ Thị S có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn H. Hiện tại anh H đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn H. Anh H được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn H

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị S và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân theo chị S trình bày là do anh H thường xuyên uống rượu, đánh đập chị. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Vì vậy, chị S kiên quyết xin được ly hôn với anh H

Đối với anh H, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc chị S làm đơn xin ly hôn và vụ án đang được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, nhưng các lần Tòa án triệu tập đều không có mặt để tham gia giải quyết và nói lên nguyện vọng của mình

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị Sương và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị S, xử cho chị S được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị Võ Thị S và anh Nguyễn H có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A như chị S đã trình bày. Nếu ly hôn chị S có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Hoàng A đang sinh sống cùng chị S, anh H thường xuyên vắng nhà. Quá trình giải quyết vụ án cháu A cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, nguyện vọng xin được nuôi con của chị S là hoàn toàn chính đáng, cần căn cứ khoản vào 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Hoàng A cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị S không có yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị S trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn H

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chị Võ Thị S. Xử cho chị Võ Thị S được ly hôn với anh Nguyễn H

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 03/11/2008 cho chị Võ Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị S phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003564 ngày 21 tháng 3 năm 2023. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã An Thủy, H.;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà